

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 354/2023/HC-PT

Ngày: 26/5/2023

V/v khiếu kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huyền Cường;

Các Thẩm phán: Ông Điều Văn Hằng;

Ông Nguyễn Phan Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Hương Thùy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Bùi Ngọc Tân
- Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 327/2021/TLPT-HC ngày 22 tháng 9 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 11/2021/HC-ST ngày 20/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5249/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Đào Ngọc L; địa chỉ: Số nhà A, tổ F, khu F, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị H; địa chỉ: Khu C, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Tường H1 – Phó Chủ tịch. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Đỗ Tuấn N – Công ty L1 – Chi nhánh H5 – Đoàn Luật sư tỉnh Q. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- + Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.
- + Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.
- + Ông Đào Ngọc Đ và bà Bùi Thị H2; địa chỉ: Tổ F, khu F, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.
- + Ông Đào Xuân Đ1; địa chỉ: Số nhà A, tổ F, khu F, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Xuân B, sinh năm 1977; cư trú tại P T3-30B Đ, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

+ Ngân hàng TMCP S, chi nhánh Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N1 – Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP S, chi nhánh Q; địa chỉ chi nhánh: Số A đường L, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện trình bày:

Thửa đất số 36 tờ bản đồ số 18A (Thuộc tổ F, khu F, phường H, thành phố H) do ông Đào Xuân Đ1 (bố của ông Đào Ngọc L) mua của ông Mai Vĩnh H3 vào ngày 10/02/1990. Giấy chuyển nhượng ông Đ1 đã cho ông Đào Ngọc L đứng tên, thửa đất có diện tích 200m² được UBND phường H xác nhận. Tháng 6/1990 ông Đ1 khai hoang, tổng diện tích cả mua và khai hoang là 1000m². Sau khi khai hoang, ông Đ1 đã chuyển nhượng một phần diện tích đất cho bà Nga V, ông D, ông T và cho con gái lớn 01 xuất đất. Thửa đất chỉ còn lại 452m² nhưng chưa làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cuối năm 2006 vợ chồng ông Đào Xuân Đ1 về quê Hưng Yên chăm sóc các cụ, thửa đất để cho ông Đào Ngọc Đ và bà Bùi Thị H2 ở tạm. Năm 2010 ông Đào Ngọc Đ và bà Bùi Thị H2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 995797 ngày 14/5/2010 đối với thửa đất trên. Đến tháng 10/2014 ông Đào Xuân Đ1 và Đào Ngọc L biết việc UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ, bà H2 và đã có văn bản kiến nghị đến UBND thành phố H. Ngày 20/5/2016 UBND thành phố H ban hành Quyết định số 1338/QĐ-UBND thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 995797 ngày 14/5/2010 do UBND thành phố H cấp cho ông, bà Đào Ngọc Đ - Bùi Thị H2 tại tổ F, khu F, phường H, thành phố H.

Ngày 06/7/2017 Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2624/QĐ-UBND chỉ đạo UBND thành phố H hủy bỏ Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 20/5/2016, giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 995797 ngày 14/5/2010.

Ông Đào Ngọc L cho rằng Quyết định giải quyết khiếu nại số 2624/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Q đã xâm phạm đến quyền lợi của gia đình ông, nên ông L đã làm đơn khởi kiện yêu cầu: Hủy Quyết định số 2624/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết

khieu nại của ông Trần Anh T1, đại diện Ngân hàng TMCP S - chi nhánh Q”.

Người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có quan điểm:

Năm 2011 Công ty C vay Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh tại Quảng Ninh một khoản vay với số tiền là 2.850.000.000 đồng (Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 35/2011/SGBQN-CtyTP/HĐTD ngày 24/5/2011). Khoản vay được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 995797, sổ vào sổ cấp giấy CH 00265 ngày 14/5/2010 mang tên ông Đào Ngọc Đ và vợ là bà Bùi Thị H2. Do khoản vay đã đến hạn trả nợ gốc và lãi (đến tháng 01/2015 số tiền phải trả ngân hàng là 5.403.448.542 đồng) nhưng Công ty cổ phần C không trả được nợ, Ngân hàng TMCP S chi nhánh tại Quảng Ninh đã nộp đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long.

Ngày 22/01/2015 Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã ban hành Quyết định số 01/QĐST- KDTM Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, trong đó có nội dung: *“Sau ngày 31/5/2015 nếu Công ty cổ phần C chưa trả được toàn bộ số nợ trên thì Ngân hàng TMCP S, có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số BA 995797, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng: CH00265 do UBND thành phố H cấp ngày 14/05/2010 mang tên chủ sử dụng là Đào Ngọc Đ - Bùi Thị H2”.*

Ngày 14/7/2015 Văn phòng T2 ban hành Quyết định số 01/QĐTHA - TPL Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu của Ngân hàng TMCP S và ban hành quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất đã được cấp quyền sử dụng đất số BA 995797, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng: CH00265 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 14/05/2010 mang tên chủ sử dụng là Đào Ngọc Đ - Bùi Thị H2.

Ngày 19/01/2015 Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H có Văn bản số 41/TNMT với nội dung đề nghị UBND phường H kiểm tra xác minh lại nguồn gốc sử dụng của thửa đất số 108.1, tờ BĐ số 38, thuộc tổ F, khu F, phường H (đã được UBND thành phố cấp giấy CNQSD đất số BA 995797, sổ vào sổ CH 00265 ngày 14/5/2010 cho ông, bà Đào Ngọc Đ - Bùi Thị H4). Ngày 12/6/2015, Ủy ban nhân dân phường H có báo cáo số 126/UBND *“V/v xác định lại nguồn gốc, quá trình sử dụng đất tại thửa đất số 108.1, tờ BĐ số 38, thuộc tổ F, khu F, phường H”*, trong đó có nội dung xác định lại nguồn gốc sử dụng thửa đất đã cấp giấy mang tên ông Đào Ngọc Đ - Bùi Thị H2 như sau: Do ông Đào Xuân Đ1 (là bố của ông Đào Ngọc Đ) mua lại và tôn tạo lần biển, trong đó diện tích mua lại của ông Mai Vĩnh H3 năm 1990 (đề con trai là ông Đào Ngọc L đứng tên trong giấy tờ mua bán) là 172,2m². Ngày 20/5/2016, UBND thành phố H đã ban hành Quyết định số 1338/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 743/QĐ-UB ngày 14/5/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố H *“V/v cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân”*; thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 995797, sổ vào sổ cấp giấy CH 00265 ngày 14/5/2010 do UBND thành phố H cấp cho ông,

bà: Đào Ngọc Đ - Bùi Thị H2 tại thửa đất số 108.1, tờ BĐ số 38, thuộc tổ F, khu F, phường H, TP H. Lý do thu hồi là: Khi thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 995797 tại thửa đất số 108.1 tờ bản đồ địa chính số 38, thuộc tổ F, khu F, phường H cho ông, bà Đào Ngọc Đ - Bùi Thị H2, các cơ quan tham mưu đã không thực hiện đúng, đủ việc xác minh nguồn gốc, thực địa, trích lục địa chính, cập nhật các thông tin về thửa đất.

Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 của UBND thành phố H ban hành sau khi Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long ban hành Quyết định số 01/QĐST- KDTM ngày 22/01/2015 quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. UBND thành phố H không được thu hồi và hủy bỏ Giấy CNQSD đất số BA 995797 số vào sổ cấp giấy CH 00265 ngày 14/5/2010 do UBND thành phố H cấp cho ông, bà: Đào Ngọc Đ - Bùi Thị H2 tại thửa đất số 108.1, tờ bản đồ số 38, thuộc tổ F, khu F, phường H, thành phố H, vì đã có Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/QĐST-KDTM ngày 22/01/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, đã có hiệu lực pháp luật. UBND thành phố H phải có đơn đề nghị đến Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao kháng nghị theo thủ tục tái thẩm Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Chủ tịch UBND tỉnh Q thụ lý và ban hành quyết định số 2624/QĐ- UBND ngày 06/7/2017 “*Về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Anh T1, Đại diện Ngân hàng TMCP S chi nhánh Q*” là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- UBND thành phố H; *Chủ tịch* UBND thành phố H có *quan điểm*: Vị trí thửa đất ông Đào Ngọc L có nội dung khởi kiện là thửa đất số 108.1 tờ BĐ ĐC số 38 thuộc tổ F khu F phường H được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BA 995797, số vào sổ cấp giấy CH 00265 ngày 14/5/2010 cho ông, bà Đào Ngọc Đ - Bùi Thị H2. Ngày 09/12/2014, UBND Thành phố nhận được đơn đề nghị của ông Đào Ngọc L với nội dung: Đề nghị UBND Thành phố xem xét, kiểm tra việc cấp giấy chứng nhận QSD đất số BA 995797, số vào sổ cấp giấy CH 00265 ngày 14/5/2010 cho ông, bà Đào Ngọc Đ - Bùi Thị H2 có đúng quy định hay không vì ông cho rằng thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của các ông Đào Xuân Đ1, Đào Ngọc L, thửa đất trên không thuộc quyền sở hữu của ông Đ, bà H2. Ngày 12/6/2016, UBND phường H có Báo cáo số 126/UBND "V/v xác định lại nguồn gốc, quá trình sử dụng đất tại thửa đất số 108.1, tờ BĐ số 38 thuộc tổ F khu F phường H. Ngày 11/9/2015, Phòng T có Văn bản số 464/TN&MT báo cáo giao UBND Thành phố giao Thanh tra Thành phố thẩm tra lại trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSDĐ và tài sản khác gắn liền với đất. Ngày 20/5/2016, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 1338/QĐ-UBND thu hồi và hủy bỏ GCN QSDĐ số BA 995797, số vào sổ cấp giấy CH 00265 ngày 14/5/2010 do UBND thành phố H cấp cho ông, bà: Đào Ngọc Đ - Bùi Thị H2 tại thửa đất số 108.1 tờ BĐ số 38 thuộc tổ F khu F phường H, thành phố H.

Tuy nhiên, giấy chứng nhận QSD đất số BA 995797, số vào sổ cấp giấy CH 00265 ngày 14/5/2010 do UBND thành phố H cấp cho ông, bà: Đào Ngọc Đ - Bùi

Thị H2 tại thửa đất số 108.1 tờ BĐ số 38 thuộc tổ F khu F phường H đang được đảm bảo khoản vay cho Công ty cổ phần C tại Ngân hàng S chi nhánh Q theo hợp đồng thế chấp số 35/2011/SGBQN-CtyTP/HĐTC ngày 24/5/2011 với số tiền là 2.850.000.000 đồng. Ngày 22/01/2015, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã ban hành Quyết định số 01/QĐST-KDTM công nhận thỏa thuận của các đương sự. Việc UBND Thành phố ban hành Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP S chi nhánh Q dẫn đến việc ông Trần Anh T1 - người đại diện Ngân hàng TMCP S đã khiếu nại Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 của UBND Thành phố. Ngày 15/11/2016, Chủ tịch UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 4321/QĐ-UBND “V/v giải quyết khiếu nại của ông Trần Anh T1” với nội dung không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Trần Anh T1; giữ nguyên Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 của UBND Thành phố. Ông T1 tiếp tục khiếu nại lên UBND Tỉnh.

Ngày 06/7/2017, UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 2624/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Anh T1, đại diện Ngân hàng TMCP S chi nhánh Q; Ngày 27/7/2017, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 7203/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 1338/QĐ-UB ngày 20/5/2016 của UBND thành phố H.

- UBND phường H, thành phố H có *quan điểm*: Vị trí thửa đất ông Đào Ngọc L khởi kiện là thửa đất số 108.1 tờ BĐDC số 38 thuộc tổ F khu F phường H được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 995797 ngày 14/5/2010 cho ông, bà Đào Ngọc Đ - Bùi Thị H2. Năm 2009 Hội đồng đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất, UBND phường H xác nhận tại biên bản xét duyệt ngày 03/12/2009 và đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/12/2009 là: Đất được gia đình cho lại và làm nhà ở từ năm 1986. Ngày 26/3/2015 UBND thành phố H có văn bản số 1137/UBND về việc giải quyết đơn đề nghị của ông Đào Ngọc L trú tại tổ F khu F phường H. Trong đó có nội dung giao UBND phường H kiểm tra, rà soát và khẳng định lại nguồn gốc, quá trình sử dụng tại thửa đất số 108.1, tờ BĐDC số 38 thuộc tổ F khu F phường H. Ngày 12/6/2015 UBND phường H có báo cáo số 126/UBND “V/v xác định lại nguồn gốc, quá trình sử dụng đất tại thửa đất số 108.1, tờ BĐDC số 38 thuộc tổ F, khu F, phường H thì nguồn gốc sử dụng đất như sau:

+ Do ông Đào Xuân Đ1 mua lại và tôn tạo lần biên, trong đó diện tích mua lại của ông Mai Vĩnh H3 năm 1990 (để con trai là ông Đào Ngọc L đứng tên trong giấy tờ mua bán) là 172,2m².

+ Năm 1991 ông Đ1 đưa ông Đào Ngọc Đ ra ở tại mảnh đất này cùng với ông L và cùng năm 1991 ông Đ lấy vợ là bà Bùi Thị H2 đã ở ổn định liên tục trên thửa đất 108.1 tờ BĐDC số 38 thuộc tổ F khu F phường H từ năm 1991 đến nay.

+ Lý do ông Đ có tên trong bản đồ địa chính năm 1997 là do tại thời điểm đo đạc ông Đ đang ở tại thửa đất này. Ông Đ1 lúc đó đang trông cháu cho con trai là ông Đào Ngọc L trên phía dốc giao thông cột 8.

+ Năm 2007 ông L chuyển về ở cùng ông Đ1 và ông Đ tại thửa đất số 108.1 tờ BĐDC số 38 thuộc tổ F khu F phường H.

- Ngân hàng TMCP S - chi nhánh Q có quan điểm: Công ty cổ phần C ký với Ngân hàng hợp đồng tín dụng vay vốn ngắn hạn số 35/2011 ngày 24/5/2011, kèm hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung ngày 22/12/2011, tổng số tiền vay là 2.850.000.000 đồng. Khoản vay này được bảo đảm bằng Quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 995797, số vào sổ CH00265 do UBND thành phố H, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 14/5/2010 mang tên ông, bà Đào Ngọc Đ, Bùi Thị H2, địa chỉ tại tổ F khu F, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh quy định tại hợp đồng thế chấp số 35/2011 ký ngày 24/5/2011 và Hợp đồng thế chấp sửa đổi bổ sung ngày 22/12/2011 công chứng tại Văn phòng C1 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 25/5/2011.

Tại thời điểm ông Đào Ngọc Đ, bà Bùi Thị H2 ký kết hợp đồng thế chấp ngày 24/5/2011 thì quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận số BA 995797 số vào sổ CH 00265 ngày 14/5/2010 là hợp pháp do các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cấp, được phép giao dịch, chuyển nhượng, thế chấp theo quy định hiện hành. Hợp đồng thế chấp tài sản này tại Ngân hàng TMCP S chi nhánh Q được giao kết giữa các bên do Văn phòng công chứng chứng thực; quyền sử dụng đất thế chấp nêu trên được Ngân hàng đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên Môi trường thành phố H. Việc Công ty cổ phần C không trả được nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng buộc phải khởi kiện đòi nợ và xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Việc UBND thành phố H ban hành Quyết định thu hồi quyền sử dụng đất khi phát hiện sai sót trong quá trình cấp quyền sử dụng đất đối với ông Đào Ngọc Đ và bà Bùi Thị H2, nhưng thời điểm này Quyền sử dụng đất của ông Đ, bà H2 đã được giao dịch và đang thế chấp tại Ngân hàng, và được Tòa án nhân thành phố H quyết định tài sản trên thuộc quyền định đoạt của Ngân hàng TMCP S chi nhánh Q để xử lý thu hồi nợ. UBND thành phố H không có phương án khắc phục hậu quả, bồi thường theo luật bồi thường khi cơ quan Nhà nước ban hành sai gây hậu quả là chưa đúng quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Vụ việc đã kéo dài nhiều năm mà Ngân hàng vẫn chưa xử lý được để sớm thu hồi nợ xấu. Ngân hàng kính đề nghị Tòa án xem xét đưa ra những phán quyết khách quan, công tâm đúng pháp luật, tránh tạo ra tiền lệ đối với người vay tiền tại các tổ chức tín dụng khi vay xong không muốn trả nợ.

- Ông Đào Ngọc Đ, bà Bùi Thị H2 có quan điểm: Thửa đất số 108.1 tờ bản đồ địa chính số 38 là của ông Đào Xuân Đ1 mua lại của ông Mai Vĩnh H3, để anh Đào Ngọc Liên đứng tên trong giấy tờ mua bán. Do thiếu hiểu biết về pháp luật đất đai, ông Đào Ngọc Đ đã để cho em rể là anh Bùi Xuân P làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên mang tên vợ chồng ông là Đào Ngọc Đ - bà Bùi Thị H2. Nay nhận thấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số BA 995797 số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00265 do UBND thành phố H cấp ngày 14/5/2010 mang tên ông Đ, bà H2 là không đúng quy định của pháp luật, vì thửa đất trên không thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông, bà. Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đào Ngọc L.

- Ông Đào Xuân Đ1 có cùng quan điểm với Người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2021/HC-ST ngày 20/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a, khoản 2, Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Khoản 1, Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của của ông Đào Ngọc L về yêu cầu “Hủy Quyết định số 2624/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Anh T1, đại diện Ngân hàng TMCP S - chi nhánh Q”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa: Ông L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của ông về việc hủy Quyết định số 2624/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Q. Vì hiện nay Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/QĐST-KDTM ngày 22/01/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã bị hủy theo Quyết định tái thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Q đề nghị không chấp nhận kháng cáo vì tại thời điểm ban hành Quyết định số 2624/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Q là có căn cứ.

Đại diện ngân hàng đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, đề nghị bảo vệ ngân hàng để ngân hàng thu nợ. Tại thời điểm ban hành quyết định của Chủ tịch tỉnh thì quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật do đó việc thu hồi GCNQSDĐ của ông Đ bà H2 của UBND thành phố H là sai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tóm tắt nội dung vụ án, phân tích đánh giá tài liệu tại hồ sơ vụ án và thấy Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật Tổ tụng hành chính. Việc cấp GCNQSDĐ cho ông Đ bà H2 là không có cơ sở và đất là của cụ Đ1 mua đứng tên ông L.

Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long ban hành quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Sau đó UBND thành phố H ban hành quyết định thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho ông Đ bà H2. Khi Ngân hàng TMCP S khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh Q đã giải quyết khiếu nại, yêu cầu UBND thành phố H hủy bỏ Quyết định số 1338/QĐ-UBND là có căn cứ. Tuy nhiên, đã có quyết định tái thẩm hủy quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, do đó, căn cứ để ban

hành Quyết định số 2624/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Q đã không còn căn cứ.

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Đào Ngọc L kháng cáo đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của ông. Sau khi xem xét, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng hành chính: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định về tố tụng hành chính. Việc xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu, thẩm quyền giải quyết vụ án là có căn cứ theo quy định tại Điều 22 Luật đất đai, khoản 2 Điều 3, Điều 32, Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 2624/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Q (Quyết định số 2624) và Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 của UBND thành phố H (Quyết định số 1338).

Tòa án cấp sơ thẩm xác định Quyết định số 1338 và Quyết định số 2624 được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền là có căn cứ theo quy định tại Điều 22, 29, 57 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Điều 18, 21, 27, 29, 30, 36, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại. Các bên đương sự cũng không có ý kiến phản đối gì về vấn đề này.

[2.2] Về nội dung:

Theo tài liệu tại hồ sơ vụ án: Thửa đất số 108.1 tờ bản đồ địa chính số 38 tờ F phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh được UBND thành phố H cấp GCNQSDĐ số BA 995797 ngày 14/5/2010 cho ông Đào Ngọc Đ, bà Bùi Thị H2.

Nguồn gốc thửa đất này do ông Đào Xuân Đ1 (bố của ông Đào Ngọc L và ông Đào Ngọc Đ) mua của ông Mai Vĩnh H3 ngày 10/02/1990 diện tích 200m². Giấy chuyển nhượng ông Đ1 để cho ông L đứng tên và được UBND phường H xác nhận.

Năm 2011, ông Đ, bà H2 đã thế chấp diện tích đất theo GCNQSDĐ được cấp ngày 14/5/2010 tại Ngân hàng TMCP S để đảm bảo cho khoản vay của Công ty cổ phần C - Hợp đồng thế chấp số 35/2011/SGBQN-CtyTP/HĐTC ngày 24/5/2011.

Vì Công ty C không trả được nợ, Ngân hàng khởi kiện đòi nợ. Ngày 22/01/2015, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã ban hành quyết định số 01/QĐST-KDTM công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án. Trong quyết định này có nội dung: Ngân hàng có yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế

chấp nếu Công ty C không thực hiện thỏa thuận trả nợ cho ngân hàng. Quyết định của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long có hiệu lực pháp luật.

Tuy nhiên, ngày 09/12/2014, UBND thành phố H nhận được đơn của ông Đào Ngọc L đề nghị xem xét thẩm tra lại việc cấp GCNQSDĐ cho ông bà Đào Ngọc Đ, Bùi Thị H2. Ông L cho rằng: Việc cấp GCNQSDĐ cho ông Đ bà H2 là sai vì quyền sử dụng thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của ông Đào Xuân Đ1 và ông Đào Ngọc L theo giấy tờ chuyển nhượng. Sau quá tình xác minh, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 hủy bỏ và thu hồi GCNQSDĐ số BA 995797 ngày 14/5/2020 đã cấp cho ông Đ, bà H2.

Ngân hàng khiếu nại Quyết định số 1338 vì cho rằng ngân hàng là bên thứ 3 ngay tình trong giao dịch dân sự, là người cho vay nên phải được bảo vệ để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Chủ tịch UBND tỉnh Q giải quyết khiếu nại và ban hành Quyết định số 2624 hủy Quyết định số 1338 của Chủ tịch UBND thành phố H vì cho rằng Quyết định số 1338 của Chủ tịch UBND thành phố H ban hành sau Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/QĐST-KDTM ngày 22/01/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long. Quyết định của Tòa án đang có hiệu lực pháp luật và hiện chưa có văn bản khác thay thế; UBND thành phố Hạ Long phải có đơn đề nghị đến Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao để xem xét lại quyết định của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long theo thủ tục tái thẩm.

Xét: Theo quy định tại Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự: Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. UBND thành phố H quyết định thu hồi và hủy bỏ GCNQSDĐ số BA 995797 cấp cho ông Đ, bà H2 sau khi đã có quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long là không đúng trình tự, thủ tục tại thời điểm này, Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Q là có căn cứ. Ông Đào Ngọc L khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2624/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Q là không có căn cứ.

Quan điểm đề nghị hủy án sơ thẩm là chưa thuyết phục vì tại thời điểm Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2624/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 thì quyết định của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đang có hiệu lực pháp luật.

Từ những nhận định trên, HĐXX thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Đào Ngọc L, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[3] Về án phí: Ông Đào Ngọc L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đào Ngọc L. Giữ nguyên bản án hành

chính sơ thẩm số 11/2021/HC-ST ngày 20/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

2. Về án phí: Ông Đào Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002408 ngày 07/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Huyền Cường